

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2022

V/v tranh chấp “Không công
nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Thành Nam.

2. Bà Đặng Thị Tiềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 148/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc: “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông H S, sinh năm 1965 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã TH, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà N T, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã TH, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông H S trình bày: Ông với bà N T chung sống không có đăng ký kết hôn từ tháng 12/1987 tại khu 4, thị trấn C nay là khu phố 1, phường 4, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Từ tháng 02/2019 đến nay vợ chồng cư ngụ tại ấp H, xã TH, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Chung sống hạnh phúc đến ngày 30/7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà N T tự ý lén lút vay mượn tiền sử dụng vào mục đích riêng không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông xin ly hôn với bà Trúc.

- Về con chung: Có 02 con chung tên H K, sinh năm 1991 và H M sinh năm 2000. Ly hôn do các con đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

Bị đơn bà N T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông H S có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn bà N T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ông H S và bà N T sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 12/1987, đến nay tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 14 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, không có căn cứ xem xét cho ông bà được ly hôn hay đoàn tụ mà chỉ tuyên bố không công nhận ông S với bà Trúc có quan hệ vợ chồng là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông H S trình bày quá trình chung sống ông với bà N T có 02 con chung tên H K, sinh năm 1991 và H M sinh năm 2000, hiện các con đã thành niên còn bà N T không có ý kiến phản đối nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông H S trình bày không có, còn N T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Ông H S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông H S với bà N T là vợ chồng.

2. Về con: Ông H S với bà N T có 02 con chung tên H K, sinh năm 1991 và H M sinh năm 2000 hiện đã thành niên nên không xem xét.

3. Về án phí: Ông H S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002426 ngày 22/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTX C;
- CCTHADSTX C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTX C;
- CCTHADSTX C;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Thị Hằng Ni

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 19 tháng 7 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Thành Năm.

Bà Đặng Thị Tiềm.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 148/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về: “ Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng” giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông H S, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã TH, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Bà N T, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã TH, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông H S với bà N T là vợ chồng.

2. Về con: Ông H S với bà N T có 02 con chung tên H K, sinh năm 1991 và H M sinh năm 2000 hiện đã thành niên nên không xem xét.

3. Về án phí: Ông H S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002426 ngày 22/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 19 tháng 7 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

‘

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- UBND xã Long Khánh, thị xã C, TG
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)